|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UNI | **COÂNG TY COÅ PHAÀN VIEÃN LIEÂN**86 Traàn Troïng Cung, Quaän 7, TP. Hoà Chí MinhTel: 08-37732892, Fax: 08-37732893, Web : www.vienlien.com.vn |  |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

**1. Thành lập:**

# Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo giấy phép số 223/GP-UB ngày 02/03/1993 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn góp cổ phầ chủ yếu là của CBCNV Bưu Điện Thành phố Hồ Chí Minh và CBCNV các đơn vị trong ngành Bưu chính – Viễn thông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 059051 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/03/1993. Vốn Điều lệ đến ngày 31/03/2013 là 144.844.680.000 đồng.

**2. Ngành nghề kinh doanh:**

Nhập khẩu, kinh doanh tổng đài điện thọai, máy Fax, điện thọai, Cordless;

* Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học;
* Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông – tin học, mạng hầm cống cáp, trạm BTS, mạng ngọai vi viễn thông;
* Kinh doanh bất động sản.

**3. Niêm yết:**

Công ty được giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khóan TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 47/UBCK-GPNY do Ủy ban chứng khóan Nhà nước cấp ngày 30/05/2006. Do không đủ vốn điều lệ theo quy định, đến ngày 27/05/2009 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khóan Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 12/GCN-TTGDHN ngày 21/05/2009.

* Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
* Mã chứng khóan : UNI
* Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
* Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết: 14.484.468 cổ phiếu
* Tổng giá trị niêm yết: 144.844.680.000 đồng
* Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên : 03/07/2006

**4. Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2018 :**

* **Vốn điều lệ : tối thiểu 500 tỷ đồng**
* **Thị trường/thị phần : Nhà cung cấp giải pháp, dịch vụ tốt nhất cho mạng viễn thông băng rộng, sở hữu ít nhất quỹ đất sạch 100 ha để kinh doanh bất động sản du lịch tại Phú Quốc.**

**5. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2014:** Các chỉ tiêu Đại hội cổ đông giao Công ty thực hiện chưa hoàn thành:

**a**. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Năm 2014 Công ty thực hiện được 923,103,933 đồng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 11.83% so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được giao. Nguyên nhân không hoàn thành là do thị trường bất động sản đóng băng ít giao dịch dẫn đến sản phẩm đất nền không tiêu thụ được. Tỷ trọng lợi nhuận từ bất động sản chiếm tỷ trọng cao trong rổ lợi nhuận của Công ty.

**b**. Chỉ tiêu bù đắp lợi nhuận sau thuế bị âm 4.352.182.330 đồng do chi vượt cổ tức chưa thực hiện được trong năm 2014. Dự kiến trong 06 tháng đầu năm 2015 Công ty sẽ có lợi nhuận tốt bù đắp dứt điểm để đưa cổ phiếu Công ty ra khỏi diện cảnh báo trên sàn Hà Nội.

**6. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015:**

- Doanh thu : 100.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 15.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ trả cổ tức : 10% (Cổ phiếu + cổ phiếu thưởng)

- Thu nhập bình quân CBCNV : 6.000.000 đồng/người/tháng

**7. Kế hoạch kinh doanh - đầu tư năm 2015:**

**a.** **Gia tăng thị phần dịch vụ Viễn thông:** Đẩy mạnh công tác Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông, mạng hầm cống cáp, trạm BTS, mạng ngọai vi viễn thông.

**b. Chào bán nền đất thổ cư khu đô thị 67,5 ha Thị trấn Dương Đông Phú Quốc:**

* Đây là dự án của Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang, dự án đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 và đang tiến hành tách nền cấp sổ đỏ. Là dự án đầu tiên ở Phú Quốc đủ điều kiện đề kinh doanh bất động sản theo đúng Luật (Nghị định 61 và Thông tư 71 của Nhà nước).
* Công ty chào bán dứt điểm 54 lô nhà phố 6x20.5 và 29 lô biệt thự phố 10x20 thuộc sở hữu của Công ty thu tiền và hạch toán doanh thu, lợi nhuận trong năm 2015.

**c. Chào bán nền đất tái định cư, thương mại, biệt thự xã Hàm Ninh Phú Quốc:**

* Đây là dự án do Công ty làm chủ đầu tư, đang hoàn tất việc đóng tiền sử dụng đất. Quý 02/2015 xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án và thực hiện chào bán nền nhà phố 6x14, nền biệt thự các loại. Dự kiến sẽ mang lại lợi nhuận đột biến cho Công ty trong 02 năm 2015-2016.
* Xúc tiến mời chào các đối tác cùng hợp tác xây dựng kinh doanh khách sạn, căn hộ mặt biển.

**d. Về tài chính:**

* Trình Đại hội cổ đông thường niên 2015 hủy kế hoạch phát hành trái phiếu bắt buộc chuyển đổi từ năm 2014 chuyển sang. Thay bằng kế hoạch phát hành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu và tỷ lệ 5%/vốn điều lệ cho Cán bộ nhân viên Công ty.
* Vay ngắn hạn tối đa 30 tỷ đồng để thực hiện Dự án 11,3Ha Hàm Ninh trong khi chờ dòng tiền từ kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ.

**e. Về tổ chức:**

* Tăng cường công tác điều hành sản xuất, cơ cấu lại bộ máy quản lý Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2000.
* Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân vì mục tiêu chung là phát triển Công ty một cách bền vững.
* Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý và công nhân có trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai.

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. **Các chỉ tiêu tài chính:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2014 | NĂM 2013 |
| 1 | Cơ cấu tài sản- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 56,7143,29 | 55,2644,74 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả /Tổng tài sản- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | % | 19,0280,98 | 20,5180,76 |
| 3 | Khả năng thanh toán- Khả năng thanh toán nhanh- Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | -0,312,28 | -0,312,19 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận- Tỷ suất Lợi nhuận TT/ Tổng tài sản- Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu thuần- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Nguồn vốn CSH- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn điều lệ | % | 0,52 3,470,640,64 | 0,52 2,370,590,58 |

**2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:**

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành phù hợp với việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhiều năm liền Công ty được xếp hạng tín dụng tối ưu AAA, đặc biệt năm 2008 Công ty được Trung tâm Thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (CIC) bình chọn là 1 trong 20 Doanh nghiệp tiêu biểu trên Thị trường chứng khóan.

**III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2014 đã kiểm toán**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |
| --- |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** |
| **Tại ngày 31/12/2014** |
|  |  |  |  |  |
| **TÀI SẢN** | **Mã số** | **Thuyết****minh** | **Đơn vị : VND** |
| **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|   |   |   |   |   |
| **A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)** | **100** |  | **76,641,096,937**  | **80,232,261,313**  |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **3,095,242,194**  | **2,354,222,213**  |
| 1. Tiền | 111 |   | 3,095,242,194  | 2,354,222,213  |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 |   | 0  | 0  |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **V.2** | **445,000,000**  | **545,064,860**  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 |   | 445,000,000  | 545,064,860  |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (\*) | 129 |   | 0  | 0  |
| **III. Các khoản phải thu** | **130** | **V.3** | **24,642,738,602**  | **27,772,931,127**  |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 |   | 5,841,943,858  | 1,987,327,530  |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 |   | 800,000,000  | 650,000,000  |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 |   | 0  | 0  |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 |   | 0  | 0  |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 |   | 18,108,031,544  | 25,242,840,397  |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (\*) | 139 |   | (107,236,800) | (107,236,800) |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **V.4** | **43,578,558,215**  | **45,784,825,530**  |
| 1. Hàng tồn kho | 141 |   | 43,578,558,215  | 45,784,825,530  |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (\*) | 149 |   | 0  | 0  |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | **V.5** | **4,879,557,926**  | **3,775,217,583**  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |   | 0  | 0  |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 |   | 2,040,984,200  | 2,908,497,829  |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước | 154 |   | 2,207,474  | 2,207,474  |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 |   | 2,836,366,252  | 864,512,280  |
| **B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)** | **200** |  | **100,404,882,673**  | **99,109,974,273**  |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** |  | **0**  | **0**  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |   | 0  | 0  |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 |   | 0  | 0  |
| 3. Phải thu nội bộ dài hạn | 213 |   | 0  | 0  |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 |   | 0  | 0  |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 |   | 0  | 0  |
| **II. Tài sản cố định** | **220** |  | **82,669,882,673**  | **81,374,974,273**  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | **V.6** | 0  | 0  |
|  - Nguyên giá | 222 |   | 1,207,605,168  | 1,412,168,501  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế (\*) | 223 |   | (1,207,605,168) | (1,412,168,501) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 |   | 0  | 0  |
|  - Nguyên giá | 225 |   | 0  | 0  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế (\*) | 226 |   | 0  | 0  |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 |  | 0  | 0  |
|  - Nguyên giá | 228 |   | 0  | 0  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế (\*) | 229 |   | 0  | 0  |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | **V.7** | 82,669,882,673  | 81,374,974,273  |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **240** |  | **0**  | **0**  |
|  - Nguyên giá | 241 |   | 0  | 0  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế (\*) | 242 |   | 0  | 0  |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **V.8** | **17,735,000,000**  | **17,735,000,000**  |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 |   | 0  | 0  |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 |   | 17,735,000,000  | 17,735,000,000  |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 |   | 0  | 0  |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (\*) | 259 |   | 0  | 0  |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** |  | **0**  | **0**  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 |  | 0  | 0  |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 |   | 0  | 0  |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 |   | 0  | 0  |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)** | **270** |  | **177,045,979,610**  | **179,342,235,586**  |
|  |  |  |  |  |
| **NGUỒN VỐN** | **Mã số** | **Thuyết****minh** | **Đơn vị : VND** |
| **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|   |  |  |  |   |
| **A NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  | **33,676,667,538**  | **36,787,354,774**  |
| **I Nợ ngắn hạn** | **310** |  | **33,576,667,538**  | **36,687,354,774**  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | **V.9** | 10,600,000,000  | 13,000,000,000  |
| 2. Phải trả người bán | 312 | **V.10** | 19,267,381,577  | 19,400,285,349  |
| 3. Người mua trả trước | 313 | **V.10** | 795,604,283  | 804,497,323  |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | **V.11** | 4,131,898  | 513,273,343  |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | **V.12** | 236,230,950  | 898,796,120  |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | **V.13** | 1,491,497,762  | 914,815,971  |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 |   | 0  | 0  |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 |   | 0  | 0  |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | **V.14** | 525,747,796  | 499,613,396  |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |   | 0  | 0  |
| 11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 323 |   | 656,073,272  | 656,073,272  |
| **II Nợ dài hạn** | **330** |  | **100,000,000**  | **100,000,000**  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 |   | 0  | 0  |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |   | 0  | 0  |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | **V.15** | 100,000,000  | 100,000,000  |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 |   | 0  | 0  |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |   | 0  | 0  |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |   | 0  | 0  |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |   | 0  | 0  |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 |   |   |   |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 |   |   |   |
| **B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** |  | **143,369,312,072**  | **142,554,880,812**  |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **V.16** | **143,369,312,072**  | **142,554,880,812**  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |   | 144,844,680,000  | 144,844,680,000  |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 |   | 5,015,044,372  | 5,015,044,372  |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |   | 0  | 0  |
| 4. Cổ phiếu ngân quỹ | 414 |   | (2,233,060,000) | (2,233,060,000) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |   | 0  | 0  |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 |   | 0  | 0  |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 |   | 0  | 0  |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 |   | 94,830,030  | 203,502,703  |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sỡ hữu | 419 |   | 0  | 0  |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 |   | (4,352,182,330) | (5,275,286,263) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 |   | 0  | 0  |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 |   |   |   |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  | **0**  | **0**  |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 |   | 0  | 0  |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 |   | 0  | 0  |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** |  | **177,045,979,610**  | **179,342,235,586**  |
|  |  |  |  |  |
| **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI** |
| **Tại ngày 31/12/2014** |
|  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thuyết** | **Đơn vị : VND** |
|  |  | **minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|   |   |   |   |   |
| 1. Tài sản thuê ngoài |   |   |   |   |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |   |   |   |   |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi |   |   |   |   |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý |   |   |   |   |
| 5. Ngoại tệ các loại |   |   |   |   |
| 6. Hạn mức kinh phí còn lại |   |   |   |   |
| 7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

 |
|  |  |  |  |  |
| **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  |
|  **Năm 2014**  |
|  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu**  | **Mã số**  | **Thuyết****minh** |  | **ĐVT : VND** |
| **Năm nay** | **Năm trước** |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **VI.17** |  **26,578,200,494**  |  **35,770,361,804**  |
| **2. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)** | **03** | **VI.18** |  **-**  |  **-**  |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **10** | **VI.19** |  **26,578,200,494**  |  **35,770,361,804**  |
| **4. Giá vốn hàng bán** | **11** | **VI.20** |  **22,804,621,711**  |  **30,816,395,706**  |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**  | **20** |  |  **3,773,578,783**  |  **4,953,966,098**  |
| **6. Doanh thu hoạt động tài chính** | **21** | **VI.21** |  **1,752,522,128**  |  **993,593,999**  |
| **7. Chi phí tài chính** | **22** | **VI.22** |  **898,120,263**  |  **805,465,628**  |
|  - Trong đó : Chi phí lãi vay | **23** |  |  896,653,732  |  1,183,262,864  |
| **8. Chi phí bán hàng** | **24** |  |  **1,261,883,746**  |  **1,434,104,427**  |
| **9. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **25** |  |  **2,280,320,449**  |  **2,546,495,108**  |
|  |  |  |  |  |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** |  |  **1,085,776,453**  |  **1,161,494,934**  |
| **11. Thu nhập khác** | **31** | **VI.23** |  **22,465,818**  |  **-**  |
| **12. Chi phí khác** | **32** | **VI.23** |  **185,138,338**  |  **128,125,110**  |
| **13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )** | **40** |  |  **(162,672,520)** |  **(128,125,110)** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** |  |  **923,103,933**  |  **1,033,369,824**  |
| **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | **51** | **VI.24** |  **-**  |  **186,949,789**  |
| **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** |  |  |  **-**  |  **-**  |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)** | **60** |  |  **923,103,933**  |  **846,420,035**  |
| **18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu** | **70** | **VI.25** |  **65**  |  **62**  |
|   |   |   |   |   |

**IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

## BAN KIỂM SOÁT

(3 thành viên)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(5 thành viên)

## TỔNG GIÁM ĐỐC

**KHỐI SX & KD**

**KHỐI VĂN PHÒNG**

1 Chi nhánh

2 Xí nghiệp

2 Trung tâm

Phòng Tổng hợp

Phòng TC-KT

**a. Khối văn phòng : Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp**

**b. Khối sản xuất và kinh doanh :**

 **+ Trung tâm kinh doanh thiết bị viễn thông**

 **+ Trung tâm giao dịch bất động sản**

**+ Xí nghiệp Tư vấn thiết kế**

**+ Xí nghiệp Xây lắp**

**2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

**a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:** Tính đến thời điểm 31/03/2015, tổng số lao động của Công ty là 44 người giảm hơn 20% lao động so với năm 2014.

**b. Chính sách đối với người lao động:**

* **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ; Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học về ngoại ngữ, tin học, quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp hiện đại, các chế độ, chính sách của nhà nước… Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

* **Chính sách tiền lương:**

Công ty xây dựng quy chế về trả lương và phân phối tiền thưởng áp dụng thống nhất trong Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

* **Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

* **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể… Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn, hoặc hiếu hỷ. Các ngày Trung thu, ngày 1-6, ngày lễ, tết Công ty còn tặng quà cho con em CBCNV.

Ngoài việc được khám sức khỏe định kỳ, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau....

**V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. **Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**
	* **Hội đồng quản trị :**

- Ông Phạm Đình Dũng Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Phạm Hữu Xuân Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Trần Thắng Công Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Cao Phong Ủy viên Hội đồng quản trị

* + **Ban kiểm soát :**

- Bà Phan Thị Phụng Trưởng Ban kiểm soát

- Bà Võ Hồng Hạnh Ủy viên Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng Ủy viên Ban kiểm soát

**2. Quy chế họat động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:**

* + Hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hồi đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2008.
	+ Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần để sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.
	+ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: được tính trên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để xác định mức trích lập thù lao. Tổng số thù lao của HĐQT và BKS được phân bổ cho từng thành viên theo hệ số: Chủ tịch hệ số 2.0, thành viên HĐQT 1.5, trưởng Ban kiểm soát hệ số 1.5, thành viên BKS hệ số 1.0.
	+ Năm 2014 Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao do không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội cổ đông giao.

 **T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

 **Chủ tịch**

 **PHẠM ĐÌNH DŨNG**